

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2021
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Anh Tuấn
Ông K’ Mák

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Vương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 30 tháng 3 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 01/2021/TB-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 2 (*nay là thôn 1*), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

* **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 1980; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 2 (*nay là thôn 1*), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ Chị Nguyễn Thị H (chị Hiền) trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và Anh Hoàng Văn T (*anh Thủy*) tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Quỳnh Liên, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An vào ngày 18/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ

chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, các mối quan hệ gia đình và xã hội, anh T không chăm lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, trong khi đó thì ngược lại anh T thường xuyên nhậu nhẹt, có lối sống bê tha, không tin tưởng vợ; nhiều lúc say xỉn không làm chủ được hành vi nên có những lời lẽ xúc phạm chị Hiền. Mặc dù, Chị H và anh T đã có nhiều cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được.

Hiện tại chị Hiền, anh T vẫn sống chung một nhà nhưng trên thực tế kể từ tháng 12 năm 2020 đến nay đã sống ly thân; trong thời gian sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Chị H xác định không còn tình cảm gì với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho phép được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa Chị H và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Như, sinh ngày 04/9/2004 (*cháu Như*); cháu Hoàng Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 15-9-2009 (*cháu Tiên*) và cháu Hoàng Phi Long, sinh ngày 10/6/2012 (*cháu Long*), ly hôn Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi các cháu Tiên và cháu Long; đồng ý giao cháu Như cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng; các bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Xác định có tài sản chung nhưng Chị H và anh T tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Xác định có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đa Huoai 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), tuy nhiên đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án ngày 14-5-2021 thì đã trả nợ xong và Ngân hàng chính sách xã hội đã có giấy xác nhận đã trả xong nợ, các bên không có tranh chấp; ngoài ra vợ chồng không nợ bất kỳ ai khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn gia đình như lời Chị H trình bày là đúng. Từ đầu tháng 12 năm 2020 đến nay Chị H và anh T đã ly thân và không còn chung sống với nhau; trong thời gian vợ chồng sống ly thân Chị H và anh T không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa vợ chồng không còn, Chị H yêu cầu được ly hôn thì anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị Hiền.

- Về con chung: Xác định có 03 con chung là các cháu Như, Tiên và Long. Ly hôn anh T yêu cầu được nuôi cháu Như, đồng ý giao 02 cháu Tiên và cháu Long cho Chị H nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con thành niên, các bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Xác định có tài sản chung nhưng tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Xác định lời trình bày của Chị H là đúng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương (*ngày 03-3-2021*) nơi chị Hiền, anh T sinh sống (*Ủy ban nhân dân xã Đoàn Kết*) thì thấy rằng mâu thuẫn giữa Chị H và anh T là có thật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng không thành nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Thủy; đồng thời yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Tiên, cháu Long; đồng ý giao cháu Như cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; các vấn đề khác như tài sản chung, nợ chung không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, Chị H yêu cầu được ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H; đồng thời yêu cầu được nuôi cháu Như; đồng ý giao các cháu Tiên và cháu Long cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng; các bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; các vấn đề khác như tài sản chung, nợ chung không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng.

- Nguyên đơn Chị H chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn anh T chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian chung sống Chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn, Chị H xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

- Về con chung: Căn cứ vào sự thỏa thuận về việc người trực tiếp nuôi con; xét nguyện vọng của các con; xét điều kiện thực tế nuôi con của Chị H và anh Thủy. Đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Tiên và cháu Long cho Chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Như cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do vậy đề nghị Hội đồng xét không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Hiền, anh T xác định có nợ nhưng đã trả nợ xong, hiện không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Do vậy đề nghị Hội đồng xét không xem xét.

- Về án phí: Chị H khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi theo quy định.

- Về kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng: Ngày 30/3/2021 Hội đồng xét xử ban hành Quyết định tạm ngừng phiên tòa. Theo quy định tại các Điều 235 và 259 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thời hạn tạm ngừng phiên tòa là không quá 30 ngày nếu hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa mà chưa khắc phục được thì Hội đồng xét xử phải ban hành quyết định tạm đình chỉ vụ án, trong khi đó đến ngày 07/5/2021 Thẩm phán ban hành thông báo mở lại phiên tòa và xét xử vụ án là không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần phải rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng; về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Liên ngày 18/02/2009, việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Liên, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An là đúng pháp luật. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh T được xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Thủy. Anh T có nơi cư trú và hiện sinh sống xã Đoàn Kết, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn thì thấy rằng: Sau khi kết hôn Chị H và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, các mối quan hệ gia đình và xã hội, anh T không chăm lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, trong khi đó thì ngược lại anh T thường xuyên nhậu nhẹt, có lối sống bê tha, không tin tưởng vợ; nhiều lúc say xỉn không làm chủ được hành vi nên có những lời lẽ xúc phạm chị Hiền. Hiện tại chị Hiền, anh T vẫn sống chung một nhà nhưng trên thực tế kể từ tháng 12 năm 2020 đến nay đã sống ly thân; trong thời gian sống ly thân Chị H và anh T không quan tâm gì đến nhau, Chị H xác định không còn tình cảm gì với anh Thủy. Qua xác minh tại

địa phương thì thấy rằng mâu thuẫn giữa Chị H và anh T là có thật. Mặt khác, Chị H yêu cầu được ly hôn thì anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng đồng ý ly hôn với chị H. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn cho Chị H được ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[2.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân xã Đoàn Kết thể hiện họ tên cháu Như; cháu Tiên và cháu Long có họ tên người mẹ Nguyễn Thị Hiền, họ tên người cha Hoàng Văn Thủy. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định cháu Như, Tiên và Long là con chung của Chị H và anh T.

Ly hôn anh T và Chị H cùng thống nhất và thỏa thuận: Chị H được trực tiếp nuôi các cháu Tiên và cháu Long, đồng ý giao cháu Như cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng; các bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng đồng ý giao các cháu Tiên và Long cho Chị H nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con thành niên và đồng ý nuôi cháu Như; các bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con và sự thỏa thuận của chị H, anh T về việc nuôi con; xét nguyện vọng của các cháu Tiên, cháu Long là mong muốn được ở với mẹ (chị H) là hợp pháp và không trái pháp luật. Do vậy cần tiếp tục giao cháu Tiên và cháu Long cho Chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Như cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh T yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.5] Về nợ chung: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Chị H và anh T khai nhận là có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đa Huoai số tiền là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), Tuy nhiên, trước khi Tòa án thụ lý về yêu cầu độc lập của người có liên quan thì chị H, anh T đã trả nợ xong cho Ngân hàng chính sách; đồng thời Ngân hàng chính sách xã hội cũng có đơn đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết giữa Ngân hàng và vợ chồng Chị H và anh T với lý do các bên đã giải quyết xong nợ, hiện các bên không có tranh chấp nên Tòa án không đưa Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đa Huoai vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung là đúng pháp luật.

[2.6] Về kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng: Kiến nghị của Viện kiểm sát có căn cứ. Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai (*Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án*) nghiêm túc tiếp thu và rút kinh nghiệm.

[2.7] Về án phí: Chị H khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H đối với Anh Hoàng Văn T về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với Anh Hoàng Văn T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 21; quyển số 01 ngày 18/02/2009 của Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Liên, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con Hoàng Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 15/9/2009 và con Hoàng Phi Long, sinh ngày 10/6/2012 cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên.

Giao con Nguyễn Thị Quỳnh Như, sinh ngày 04/9/2004 cho Anh Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên.

Chị Nguyễn Thị H, Anh Hoàng Văn T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Chị H đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018257 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Hòa, tỉnh Lâm Đồng, Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đạ Huoai (02);
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai (02);
- UBND xã Quỳnh Liên, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Ấn văn (03);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Lập